

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế
trong lĩnh vực: Tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc
thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ các Quyết định của Tổng Thanh tra Chính phủ số: 700/QĐ-TTCT ngày 09/10/2019 về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý; 424/QĐ-TTCT ngày 29/7/2021 về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; 193/QĐ-TTCT ngày 20/5/2022 về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; 194/QĐ-TTCT ngày 20/5/2022 về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 12/TTr-TTr ngày 06/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được thay thế trong lĩnh vực: Tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Chi tiết tại Danh mục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục TTHC lĩnh vực: Tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Các TTHC lĩnh vực: Tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trước đây hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng các thủ tục hành chính được công bố cùng lĩnh vực tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC: TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT
KHIẾU NẠI, TỔ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC TIẾP CÔNG DÂN					
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	10 ngày làm việc	- Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Địa điểm tại Ban tiếp công dân tỉnh, số 32 Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; - Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: Địa điểm tại trụ sở các sở, ban, ngành.	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tổ cáo năm 2018; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	10 ngày làm việc	Tại trụ sở của UBND cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.		
3	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	10 ngày làm việc	Tại trụ sở của UBND cấp xã.		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II. THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN					
1	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày làm việc	- Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Địa điểm tại Ban tiếp công dân tỉnh, số 32 Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; - Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: Địa điểm tại trụ sở của các sở, ban, ngành.	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	10 ngày làm việc	Tại trụ sở của UBND cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.		
3	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày làm việc	Tại trụ sở của UBND cấp xã		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
III. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	- 30 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp; - Ở vùng sâu, vùng xa: - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp.	- Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Địa điểm tại Ban tiếp công dân tỉnh, số 32 Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; - Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: Địa điểm tại trụ sở của các sở, ban, ngành.	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	- 30 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp; - Ở vùng sâu, vùng xa: - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp.	Tại trụ sở của UBND cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.		- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	- 30 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp; - Ở vùng sâu, vùng xa: - 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp.	Tại trụ sở của UBND cấp xã.	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN HAI					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp tỉnh	- 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp; - Ở vùng sâu, vùng xa: - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; - 70 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp.	- Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Địa điểm tại Ban tiếp công dân tỉnh, số 32 Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; - Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: Địa điểm tại trụ sở của các sở, ban, ngành.	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp huyện	- 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp; - Ở vùng sâu, vùng xa: - 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn; - 70 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc phức tạp.	Tại trụ sở của UBND cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.	Không	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
V. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO					
1	Thủ tục giải quyết tổ cáo tại cấp tỉnh	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tổ cáo; - Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tổ cáo một lần nhưng không quá 30 ngày; - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tổ cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	- Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Địa điểm tại Ban tiếp công dân tỉnh, số 32 Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; - Đối với thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh: Địa điểm tại trụ sở của các sở, ban, ngành.	Không	- Luật Tổ cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo; - Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày; - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Tại trụ sở của UBND cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.	Không	- Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	- 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo; - Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày; - Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Tại trụ sở của UBND cấp xã.	Không	- Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.